

Số: 07/2025/TT-BTP

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Tư pháp

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 21 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Tư pháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị trong ngành Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Hồ sơ, tài liệu và thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Tư pháp

1. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ của ngành Tư pháp gồm:

- Hồ sơ, tài liệu về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;
- Hồ sơ, tài liệu về kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật;
- Hồ sơ, tài liệu về xử lý vi phạm hành chính; kiểm tra, điều tra, khảo sát, xử lý kết quả thi hành pháp luật;
- Hồ sơ, tài liệu về pháp luật quốc tế;
- Hồ sơ, tài liệu về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp;
- Hồ sơ, tài liệu về phổ biến, giáo dục pháp luật; chuẩn tiếp cận pháp luật; hòa giải ở cơ sở; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Hồ sơ, tài liệu về trợ giúp pháp lý;
- Hồ sơ, tài liệu về thi hành án dân sự; thi hành án hành chính; thừa phát lại;
- Hồ sơ, tài liệu về đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng;

- k) Hồ sơ, tài liệu về bồi thường nhà nước;
- l) Hồ sơ, tài liệu về hộ tịch; quốc tịch; nuôi con nuôi;
- m) Hồ sơ, tài liệu về luật sư; tư vấn pháp luật; công chứng; chứng thực; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; quản tài viên;
- n) Hồ sơ, tài liệu về tiếp cận thông tin.

2. Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu tại khoản 1 Điều này gồm lưu trữ vĩnh viễn và lưu trữ có thời hạn được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hồ sơ, tài liệu hình thành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp chưa được quy định thời hạn lưu trữ tại Thông tư này thì áp dụng thời hạn lưu trữ tương đương với các hồ sơ, tài liệu cùng lĩnh vực đã quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật khác có liên quan để xác định thời hạn lưu trữ.

4. Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu chứa bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tư pháp để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND; UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công báo Chính phủ; Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, VP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Tịnh